TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 4 - 2023.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lê Đình Khôi.**
2. Bà **Trần Thị Yến Nhi.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Luật –** Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 571/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Thái T – sinh năm: 1983.
Địa chỉ: Số nhà 933/20B, đường LG, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thùy Trang Đ – sinh năm: 1990.
Địa chỉ: Số nhà 16, tổ 2, ấp 2, xã TL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
(Anh T và chị Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trương Thái T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thùy Trang Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2011. Đến năm 2019, anh và chị Đ tiến hành đăng ký kết hôn và được UBND phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh Cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2019. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2021 thì mâu thuẫn vợ

chồng trầm trọng và vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau và không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thùy Trang Đ.

Về con chung: Anh và chị Đ có 02 con chung là:

- Nguyễn Trương Ngọc H – sinh ngày: 27/12/2012.
- Trương Phú K – sinh ngày: 17/7/2020.

Đối với cháu H thì do thời điểm sinh con thì anh và chị Đ chưa đăng ký kết hôn nên cháu mang họ mẹ là họ "Nguyễn".

Từ khi anh và chị Đ ly thân nhau đến nay, 02 con chung do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả 02 con mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thùy Trang Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Thái T tự nguyện sống chung với nhau từ đầu năm 2012 nhưng đến năm 2019, chị và anh T mới đến Ủy ban nhân dân phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2019. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên thường hay xảy ra cãi vã. Từ tháng 10/2022, chị và anh T sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm không còn nên anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là:

- Nguyễn Trương Ngọc H – sinh ngày: 27/12/2012.
- Trương Phú K – sinh ngày: 17/7/2020.

Đối với cháu H thì do thời điểm sinh con thì chị và anh T chưa đăng ký kết hôn nên Giấy khai sinh của cháu không ghi tên cha.

Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cả 02 con mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Thái T đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Căn cước công dân của anh T (bản sao); CMND và chị Đ (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản tự khai ngày 28/11/2022 của anh T (bản chính); Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của anh T (bản chính). *Bị đơn chị Nguyễn Thùy Trang Đ đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau*: Bản tự khai của chị Đ (bản chính); Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt của chị Đ (bản chính); Đơn nguyện vọng của cháu H; Giấy khai sinh của cháu H (bản sao). *Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau*: Biên bản xác minh tại địa phương; Biên bản lấy lời khai của đương sự đối với anh Trương Thái T. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết

đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng anh T và chị Đ đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, cho anh Trương Thái T được ly hôn với chị Nuyễn Thùy Trang Đ.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung Nguyễn Trương Ngọc H – sinh ngày: 27/12/2012 và Trương Phú K – sinh ngày: 17/7/2020 cho chị Nguyễn Thùy Trang Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T đồng ý cấp dưỡng cho 02 con chung là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc anh Trương Thái T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trương Thái T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn chị Nguyễn Thùy Trang Đ. Chị Đ đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Anh Trương Thái T và chị Nguyễn Thùy Trang Đ là các đương sự trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng anh T và chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Anh T và chị Đ kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24/12/2019. Nay anh T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Đ tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2019. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh T yêu cầu ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, hiện nay anh T và chị Đ đã sống ly thân nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Chị Đ thừa nhận mâu thuẫn như anh T trình bày và đồng ý ly hôn với anh T.

Xét thấy hôn nhân của anh T và chị Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thái T là cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thùy Trang Đ.

[3.2]. Về con chung: Anh T và chị Đ có 02 con chung là:

- Nguyễn Trương Ngọc H – sinh ngày: 27/12/2012.
- Trương Phú K – sinh ngày: 17/7/2020.

Theo Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Trương Ngọc H không xác định họ và tên người cha. Xét thấy cháu H được sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn nhưng trong thời kỳ chung sống của anh T, chị Đ và được anh T, chị Đ thừa nhận là con chung của anh chị. Căn cứ khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định cháu H là con chung của anh T và chị Đ.

Anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy từ khi anh T và chị Đ sống ly thân đến nay, các con chung sống cùng chị Đ và được chị Đ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt. Bản thân cháu H cũng có nguyện vọng sống chung cùng chị Đ. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của các con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cả 02 con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cả 02 con mỗi tháng 3.000.000đ. Anh T đồng ý tự nguyện cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc anh T cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung mỗi tháng 3.000.000đ là phù hợp.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Đ kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Trương Thái T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí về dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thái T.

Cho anh Trương Thái T được ly hôn chị Nguyễn Thùy Trang Đ.

2. Về con chung: Anh T và chị Đ có 02 con chung là:

+ Nguyễn Trương Ngọc H – sinh ngày: 27/12/2012.

+ Trương Phú K – sinh ngày: 17/7/2020.

Giao cả 02 con chung cho chị Nguyễn Thùy Trang Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trương Thái T phải cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023. Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Đ kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trương Thái T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003010 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Anh Trương Thái T phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Anh T và chị Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường 8, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 178 cấp ngày 24/12/2019);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Lợi